TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2018/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 29 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Bùi Hương S**, sinh năm 1992; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, thôn V, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Phan Trần Hoàng V**, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, thôn Đ, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ **Ngân hàng V**. Địa chỉ phòng giao dịch K: 249 A đường B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V: ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: 14 đường Nguyễn Phước T, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 4, thôn Đ, xã S, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Lê Viết H, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: 05 đường K, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- **Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Ngô Bùi Hương S:** Ông Trần Xuân V – Luật sư văn phòng luật sư P – thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 31 đường K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Bùi Hương S và ông Phan Trần Hoàng V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Ngô Bùi Hương S và ông Phan Trần Hoàng V.

b) Về quan hệ con chung: có 01 con chung là Phan Nhật T, sinh ngày 22/4/2012. Các bên tự nguyện thống nhất giao con Phan Nhật T cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Sơn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

c) Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự nguyện thỏa thuận như sau:

+ Giao thửa đất số 19, tờ bản đồ số B2-16 tại Lô 19, khu B2-16 Khu tái định cư số 6 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR746453 ngày 19/4/2014 cho bà Ngô Bùi Hương S và ông Phan Trần Hoàng V) và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, 02 tầng, móng đá và bê tông cốt thép; trụ, khung, dầm, sàn, giằng bằng bê tông cốt thép; nền gạch men, tường xây gạch trát vữa sơn vôi; mái đúc và mái tôn, cầu thang đúc, lan can tay vịn bằng gỗ, cùng các công trình phụ gắn liền với nhà (diện tích xây dựng là 94m^2, diện tích sử dụng là 194m^2) cho ông Phan Trần Hoàng V được quyền sở hữu, sử dụng. Trị giá nhà và đất là 700.000.000 đồng.

+ Ông Phan Trần Hoàng V có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà Ngô Bùi Hương S là 350.000.000 đồng theo phân kỳ như sau: ngày 30/9/2018 trả 200.000.000 đồng, ngày 30/12/2018 trả 50.000.000 đồng, ngày 30/3/2019 trả 50.000.000 đồng, ngày 30/6/2019 trả 50.000.000 đồng là xong dứt điểm số tiền 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

+ Ông Phan Trần Hoàng V được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với nhà và đất nói trên theo quy định pháp luật sau khi ông Vũ thực hiện xong nghĩa vụ thối trả xong tiền chia tài sản chung cho bà S.

+ Đối với 08 phòng trọ được xây dựng trên đất tại tổ 4, thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng của bà Trần Thị H: Các bên tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về quan hệ nợ chung: Các bên tự nguyện xác nhận nợ và thỏa thuận như sau:

+ Nhà đất tại thửa 19, tờ bản đồ số B2-16 tại Lô 19, khu B2-16 Khu tái định cư số 6 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã Hòa Sơn, huyện

Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận số BR746453 ngày 19/4/2014 cho bà Ngô Bùi Hương S và ông Phan Trần Hoàng V) đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hòa Vang ngày 26/8/2014, theo hồ sơ số 910 để bảo đảm cho các khoản vay của Hợp đồng vay số 123/2014/VCB-HK ngày 17/9/2014, Hợp đồng vay số 112/2014/VCB-HK ngày 20/8/2014.

+ Ông Phan Trần Hoàng V có nghĩa vụ tiếp tục trả 183.330.000 đồng nợ gốc (tính đến ngày 21/8/2018), 1.456.455 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 20/8/2018) cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng - phòng giao dịch Hòa Khánh theo Hợp đồng vay số 123/2014/VCB-HK ngày 17/9/2014 và Hợp đồng vay số 112/2014/VCB-HK ngày 20/8/2014; lãi được tiếp tục tính từ ngày 21/8/2018.

+ Ngân hàng đồng ý giao tài sản thế chấp nêu trên cho ông Phan Trần Hoàng V tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau này ông Phan Trần Hoàng V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ông Phan Trần Hoàng V bằng một vụ án khác, khoản nợ này không còn liên quan gì đến bà Ngô Bùi Hương S.

đ) Về Án phí:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm 150.000 đồng: bà S tự nguyện chịu;

- Án phí chia tài sản chung: ông V và bà S mỗi người tự nguyện chịu là 8.750.000 đồng. Bà S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 6316 ngày 13/3/2018 và đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 6336 ngày 27/3/2018. Hoàn trả lại cho bà S là: (12.000.000 + 300.000) đồng – (150.000 + 8.750.000) đồng = 3.400.000 đồng theo biên lai thu số 6316 ngày 13/3/2018 và biên lai thu số 6336 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

- Lệ phí xem xét thẩm định là 2.000.000 đồng, lệ phí định giá tài sản là 8.000.000 đồng: bà S tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG